

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 1 - LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2026

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LAI CHÂU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Nga

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Minh Tú, bà Nguyễn Thị Thuộc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lai Châu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lai Châu tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXX-ST ngày 02/7/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2026/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2026, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Vàng Thị M, sinh năm 1995; Số CCCD: 012195004408 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Cấp ngày 15/08/2021.

Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường Đ, tỉnh Lai Châu (nay là bản G, phường Đ, tỉnh Lai Châu (vắng mặt có lý do).

**2. Bị đơn:** Anh Giàng A G, sinh năm 1992; Số CCCD: 012092000828 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Cấp ngày 18/08/2022.

Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường Đ, tỉnh Lai Châu (nay là bản G, phường Đ, tỉnh Lai Châu (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vàng Thị M trình bày: Chị và anh Giàng A G có*

đăng ký kết hôn ngày 17/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã L, tỉnh Lai Châu (nay là Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Lai Châu), anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ tháng 02 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh G có quan hệ tình cảm bên ngoài và có đánh đập chị dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã rất cố gắng khắc phục, nhưng không có kết quả. Hiện nay anh chị sống ly thân từ tháng 11 năm 2025 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị M nhận thấy tình cảm giữa chị và G không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giàng A G.

Về con chung: Chị và anh Giàng A G có 02 con chung cháu Giàng Quân A, sinh ngày 27/4/2013 và cháu Giàng Thị Hoa S, sinh ngày 26/02/2016 (Cháu S đã chết từ tháng 8 năm 2025). Hiện cháu Giàng Quân A đang ở cùng với anh G. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Giàng Quân A cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Trường hợp anh Giàng A G muốn nuôi cháu Giàng Quân A thì chị cũng nhường quyền nuôi con cho anh G nuôi cháu Giàng Quân A cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vàng Thị M sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Vàng Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Lời khai của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Giàng A G trình bày:* Anh và chị Vàng Thị M có đăng ký kết hôn ngày 17/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã L, tỉnh Lai Châu (nay là Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Lai Châu), anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2025 thì chị M tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tổ dân phố P, phường T, tỉnh Lai Châu. Hiện nay anh chị sống ly thân từ tháng 11 năm 2025 cho đến nay. Nay chị Vàng Thị M xin ly hôn anh không nhất trí vì cháu Giàng Quân A còn nhỏ, anh muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh và chị Vàng Thị M có 02 con chung cháu Giàng Quân A, sinh ngày 27/4/2013 và cháu Giàng Thị Hoa S, sinh ngày 26/02/2016 (Cháu S đã chết từ tháng 8 năm 2025). Hiện cháu Giàng Quân A do anh đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu phải ly hôn nguyện vọng của anh muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Giàng Quân A cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Giàng A G yêu cầu chị Vàng Thị M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Giàng A G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi giấy báo cho anh Giàng A G để yêu cầu anh G đưa cháu Giàng Quân A đến Tòa án để Tòa án lấy ý kiến của cháu Giàng Quân A và gửi thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Giàng A G không có mặt tại địa phương, địa chỉ đi làm và thời gian khi nào về cụ thể thì không rõ, chỉ thỉnh thoảng mới về rồi lại đi làm và đưa cả cháu Giàng Quân A đi cùng. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng anh G đều vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay anh Giàng A G có mặt.

\* Kết quả xác minh của Tòa án ngày 21/5/2026 tại nơi cư trú của anh Giàng A G và chị Vàng Thị M không thể hiện việc anh Giàng A G và chị Vàng Thị M có xảy ra mâu thuẫn hay không vì anh chị không báo chính quyền địa phương. Hiện nay anh G và chị M đều đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà.

\* Kết quả xác minh của Tòa án ngày 15/6/2026 tại Công an phường Đ, tỉnh Lai Châu thể hiện: Anh Giàng A G không có mặt tại địa phương, địa chỉ đi làm và thời gian khi nào về cụ thể thì không rõ, chỉ thỉnh thoảng mới về rồi lại đi làm và đưa cả cháu Giàng Quân A đi cùng.

\* Ngày 21/5/2026, Tòa án đã lấy lời khai của ông Vàng A S1, sinh năm 1966 và bà Giàng Thị D, sinh năm 1966 (là bố mẹ đẻ của chị Vàng Thị M) thể hiện: Anh G và chị M chung sống không hạnh phúc, đã sống ly thân từ năm 2025 cho đến nay.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lai Châu có ý kiến về thủ tục tố tụng như sau: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán được phân công, tiến hành thụ lý vụ án đúng trình tự, thủ tục và gửi thông báo thụ lý vụ án đúng thời hạn quy định; xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; thu thập chứng cứ khách quan, công khai; ra quyết định xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo. Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn được phân công. Hội đồng xét xử đã xét xử vụ án đúng nguyên tắc, thành phần. Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố

tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271, 273, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, Điều 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vàng Thị M. Cho chị Vàng Thị M được ly hôn anh Giàng A G.

Về con chung: Giao cháu Giàng Quân A, sinh ngày 27/4/2013 cho anh Giàng A G là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị M thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vàng Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Giàng Quân A, sinh ngày 27/4/2013 mỗi tháng là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Vàng Thị M và anh Giàng A G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Vàng Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đề nghị ghi nhận và giải thích về quyền yêu cầu thi hành án dân sự, quyền kháng cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Vàng Thị M và bị đơn anh Giàng A G có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố G, phường Đ, tỉnh Lai Châu (nay là bản G, phường Đ, tỉnh Lai Châu). Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lai Châu.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Vàng Thị M đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Vàng Thị M.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 17/12/2012 anh Giàng A G và chị Vàng Thị M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã L, tỉnh Lai Châu (nay là Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Lai Châu), anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Hiện nay anh chị đã sống ly thân từ năm 2025 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh G đều cho rằng chị M tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và anh không đồng ý ly hôn vì cháu Giàng Quân A còn nhỏ, anh muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Tuy nhiên anh G vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải không có lý do để trình bày ý kiến của mình về việc chị M xin ly hôn anh, qua đó thể hiện anh G không quan tâm đến việc hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa anh G và chị M là có mâu thuẫn và căn cứ vào lời khai của ông Vàng A S1, bà Giàng Thị D (là bố mẹ đẻ của chị M) thể hiện vợ chồng anh G và chị M trong quá trình chung sống không có hạnh phúc. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M về việc xin ly hôn anh Giàng A G.

[4] Về con chung: Chị Vàng Thị M và anh Giàng A G có 02 con chung cháu Giàng Quân A, sinh ngày 27/4/2013 và cháu Giàng Thị Hoa S, sinh ngày 26/02/2016 (Cháu S đã chết từ tháng 8 năm 2025). Khi ly hôn chị M có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Giàng Quân A cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Trường hợp anh Giàng A G có nguyện vọng nuôi cháu Giàng Quân A thì chị cũng nhường quyền nuôi con cho anh G nuôi cháu Giàng Quân A. Còn anh Giàng A G cũng có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Giàng Quân A cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Xét thấy anh G nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập khoảng 12.000.000 đồng/01 tháng và hiện nay anh có nhà ở ổn định. Xét về điều kiện nuôi con của anh G, Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi anh G và chị M sống ly thân đến nay anh G vẫn đảm bảo tốt điều kiện về mọi mặt của con, hơn nữa chị M cũng đồng ý nhường quyền nuôi con cho anh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Giàng Quân A. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của anh G về việc nuôi con chung. Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 Nghị quyết số

01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Giao cháu Giàng Quân A, sinh ngày 27/4/2013 cho anh Giàng A G là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

\* Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Giàng A G yêu cầu chị Vàng Thị M cấp dưỡng nuôi cháu Giàng Quân A, sinh ngày 27/4/2013 mỗi tháng là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Xét thấy mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/01 tháng là phù hợp với thu nhập thực tế của chị Vàng Thị M và đảm bảo nhu cầu thiết yếu của cháu Giàng Quân A, hơn nữa chị M cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Giàng Quân A cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Do đó, chị Vàng Thị M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Giàng Quân A mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi và có khả năng lao động theo quy định tại Điều 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình. Thời điểm cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Vàng Thị M và anh Giàng A G không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Vàng Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lai Châu là có căn cứ cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271, 273, 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, Điều 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vàng Thị M về việc xin ly hôn.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vàng Thị M được ly hôn anh Giàng A G.

[2] Việc nuôi con: Giao cho anh Giàng A G là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Giàng Quân A, sinh ngày 27/4/2013 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vàng Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Giàng Quân A, sinh ngày 27/4/2013 mỗi tháng là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Phương thức cấp dưỡng mỗi tháng một lần, thời điểm cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật anh Giàng A G có đơn đề nghị thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung mà chị Vàng Thị M chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành thì chị Vàng Thị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.*

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Vàng Thị M và anh Giàng A G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Vàng Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị Vàng Thị M đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000082 ngày 02/3/2026 tại phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Lai Châu. Nay chị Vàng Thị M còn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, Điều 6, Điều 7 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 1 - Lai Châu;
- Phòng THADS khu vực 1 -Lai Châu;
- UBND phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu;
- Lưu HSVA.

**Phạm Thị Nga**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Các Hội thẩm nhân dân                      Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị N**













***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND TP. Lai Châu;
- Chi cục THADS TP.Lai Châu;
- UBND thị trấn Sìn hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Nga**





